

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 22-9-2020

“V/v tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Ngọc Trước.

2. Bà Đặng Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 9 năm 2020 và ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 300/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Lê Kim T1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Kim T1 là luật sư Phan Duy V – Công ty Luật TNHH MTV T thuộc đoàn luật sư tỉnh V.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Anh T1, sinh năm 1991;

3.2. Chị Trần Ngọc T2, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S - Chức vụ: Phó Giám đốc văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số E, QL T, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ủy ban nhân dân xã A là ông Trần Văn H trình bày:

Ủy ban nhân dân xã A được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp vào ngày 10/5/2000 tại thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.530m².

Trước đây bà Lê Kim T1 ở khu vực chợ A đến năm 2006 do mở rộng đường, cầu, xây dựng nhà lồng chợ A, bà T1 và những hộ dân khác bị giải tỏa (những hộ bị giải tỏa, tự di dời trả lại mặt bằng cho Ủy ban nhân dân xã, không hỗ trợ di dời, không bố trí lại). Riêng hộ bà Lê Kim T1 (là vợ của ông Trần Văn H thời điểm năm 2006 ông H là Chỉ huy trưởng Quân sự xã A) do gia đình khó khăn, nên Ủy ban nhân dân xã cho cất nhà tạm trước trạm cấp nước của Ủy ban nhân dân xã A, đồng thời che liều quán tạm dưới mé sông đối diện Ủy ban nhân dân xã A để buôn bán nước giải khát trên phần đất thuộc thửa số 1342, tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân xã A đứng tên quyền quản lý, sử dụng vào ngày 10/5/2000. Năm 2015 do nâng cấp trạm cấp nước nên bà T1 tự di dời xuống quán nước để ở và buôn bán cho đến nay. Hiện nay phần đất bà T1 đang sử dụng Ủy ban nhân dân xã A quy hoạch xây dựng bờ kè thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã

A. Qua nhiều lần trao đổi, yêu cầu bà T1 di dời quán nước giải khát để trả mặt bằng thi công nhưng bà T1 không đồng ý.

Nay Ủy ban nhân dân xã A yêu cầu hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1 và chị Trần Ngọc T2 có nghĩa vụ di dời quán nước giải khát và tài sản khác để trả lại diện tích 137m² cho Ủy ban nhân dân xã A nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân xã A đứng tên quyền quản lý, sử dụng vào ngày 10/5/2000.

Trường hợp bà Lê Kim T1 di dời tài sản trả đất thì Ủy ban nhân dân xã A đồng ý hỗ trợ cho bà T1 tiền di dời tài sản trên đất theo biên bản định giá tài sản vào ngày 05/11/2019 (trong đó: tiền di dời cây trồng là 468.000 đồng; tiền di dời nhà trên đất là 22.737.722 đồng, tổng cộng là 23.205.722 đồng). Ngoài số tiền hỗ trợ trên thì Ủy ban nhân dân xã A không đồng ý hỗ trợ thêm bất kỳ khoản tiền nào khác cho hộ bà Lê Kim T1.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Kim T1 là luật sư Phan Duy V và bà Lê Kim T1 trình bày:

Nguyên từ năm 1985 khu đất thuộc Ủy ban nhân dân xã quản lý trước đây là ấp A (nay là khu làm việc của Ủy ban nhân dân xã A) thuộc ấp Phú Thạnh, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là đồn, bót toàn là đất địa chủ, tá điền để lại). Sau giải phóng họ bỏ đi nơi khác, đất đều là ruộng, lóp. Vợ chồng bà Lê Kim T1 khai hoang cát nhà ở ổn định cùng một số hộ dân, diện tích khai phá là ngang 10m, dài 15m lúc này chưa có chợ.

Đến năm 2002 thì Nhà nước giải tỏa trắng để làm đường từ C đến xã A (giải tỏa trắng diện tích bà T1 đang sử dụng), buộc gia đình bà T1 tháo dỡ, di dời nhà đi nơi khác. Tất cả những người di dời giống trường hợp của bà T1 đều là giải tỏa trắng. Sau khi bị giải tỏa xong thì bà Lê Kim T1 ở tạm tại nhà máy nước xã A đã thuê của Ủy ban xã A. Sau đó Ủy ban nhân dân xã họp xét duyệt chấp thuận cho gia đình bà T1 ở và sử dụng diện tích đối diện Ủy ban nhân dân xã A (nay là phần diện tích 137m² đang tranh chấp), năm 2004 bà Lê Kim T1 xây dựng nhà để ở trên phần đất tranh chấp diện tích ngang 10m dài khoảng 17m. Tại thời điểm này bà Lê Kim T1 nghe nói Ủy ban nhân dân xã A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000.

Khi bà Lê Kim T1 sử dụng phần đất đang tranh chấp thì có bơm 02 ghe cát, mỗi nghe 250m³ cát, khi bơm cát thì bà T1 không có biên lai, không biên nhận gì, số tiền bơm cát bao nhiêu thì bà Lê Kim T1 không nhớ. Phần đất đang tranh chấp bà Lê Kim T1 trình

bà ngoài bà thì còn có Trần Anh T1 và Trần Ngọc T2 là các con bà T1 chung hộ khẩu với bà T1 và cùng sử dụng phần đất này.

Bà Lê Kim T1 không đồng ý di dời tài sản và không đồng ý trả diện tích 137m² theo các mốc 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/11/2019 theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã A, vì bà T1 cho rằng diện tích đất trên gia đình bà đã sử dụng ổn định lâu dài và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã A cho ở.

Nay bà Lê Kim T1 yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng đã cấp cho Ủy ban nhân dân xã A đứng tên đối với diện tích 137m² đang tranh chấp thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 và bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận cho bà T1 được quyền sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 đứng tên đối với diện tích 137m² trên.

- Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp cho Ủy ban nhân dân xã A tại thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01, có tổng diện tích là 4530 m² vào ngày 10 tháng 05 năm 2000 (trong đó có diện tích 137 m² đang tranh chấp) là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, tại thời điểm cấp đất không có tranh chấp.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Anh T1 và chị Trần Ngọc T2 cùng trình bày:

Anh Trần Anh T1 và chị Trần Ngọc T2 thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Kim T1. Anh T1, chị T2 là con của bà T1 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã A.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Kim T1 trình bày: Đối với diện tích 137m² đang tranh chấp thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 là do Ủy ban nhân dân xã A giao cho hộ bà T1 sử dụng và hộ bà T1 đã san lấp cất nhà ở trên diện tích 137m² trên từ trước đến nay và nay Ủy ban nhân dân xã A khởi kiện yêu cầu hộ bà T1 di dời nhà để trả diện tích 137m² trên là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cho hộ bà T1 được quyền đứng tên và tiếp tục sử dụng đối với diện tích 137m² đang tranh chấp trên, vì hiện nay hộ bà T1 không có chỗ ở nào khác ngoài phần đất đang tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý cho đến giai đoạn xét xử ngày hôm nay, Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng năm 2015 đã quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân xã A; Buộc hộ bà T1, anh T1, chị T2 có nghĩa vụ di dời tài sản để trả lại diện tích 137m² đang tranh chấp trên cho Ủy ban nhân dân xã A nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 theo Mảnh trích đo ngày 05/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc một của phần thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01, vì diện tích 137m² là đất công và do Ủy ban nhân dân xã A đứng tên Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất vào ngày 10/5/2000; Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của Ủy ban nhân dân xã A về việc Ủy ban nhân dân xã A đồng ý hỗ trợ tiền di dời cây trồng và tài sản (nhà) trên đất cho hộ bà T1 với số tiền tổng cộng là 23.205.722 đồng. Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án này theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Do trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và bị đơn có yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho Ủy ban nhân dân xã A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 26, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 203 của Luật đất đai 2013.

[2] Về nội dung vụ án:

- Phía nguyên đơn Ủy ban nhân dân xã A khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại cho Ủy ban nhân dân xã A diện tích 137m² nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 theo Mảnh trích đo ngày 05/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

huyện C thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân xã A đứng tên quyền quản lý, sử dụng nhà đất vào ngày 10/5/2000, vì phía nguyên đơn cho rằng diện tích 137m² hộ bà T1 đang sử dụng là đất công thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 là thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân xã A mà hộ bà T1 chiếm sử dụng không trả lại cho Ủy ban nhân dân xã A để Ủy ban nhân dân xã A làm bờ kè, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Phía hộ bị đơn bà Lê Kim T1 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của phía nguyên đơn, vì bà T1 cho rằng hộ bà T1 không có chỗ ở nên Ủy ban nhân dân xã A giao diện tích 137m² đang tranh chấp trên cho hộ bà T1 sử dụng và bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận cho hộ bà T1 được tiếp tục sử dụng diện tích 137m² trên.

[3] Phần diện tích đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn Ủy ban nhân dân xã A với hộ bị đơn theo Mảnh trích đo địa chính ngày 05/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C là 137m² nằm trong phạm vi các mốc: 1, 2, 3, 4 thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 và do Ủy ban nhân dân xã A đứng tên giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất vào ngày 10/5/2000, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Nguyên đơn Ủy ban nhân dân xã A yêu cầu Tòa án xét xử buộc hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 di dời nhà và tài sản khác để trả lại cho Ủy ban nhân dân xã A diện tích 137m² nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 theo Mảnh trích đo ngày 05/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Xét qua lời trình bày và yêu cầu trên của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận yêu cầu, bởi lẽ: Đối với diện tích 137m² đang tranh chấp trên là đất công thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân xã A và diện tích 137m² đang tranh chấp trên nằm thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho Ủy ban nhân dân xã A đứng tên quyền quản lý, sử dụng nhà đất vào ngày 10/5/2000. Việc hộ bà T1 không đồng ý giao trả diện tích 137m² trên cho Ủy ban nhân dân xã A là hành vi chiếm đất một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử buộc hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 phải có nghĩa vụ giao trả lại diện tích 137m² trên cho Ủy ban nhân dân xã A quản lý, sử dụng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, bà T1 trình bày cho rằng diện tích 137m² đang tranh chấp trên là do Ủy ban nhân dân xã A giao cho hộ bà T1 sử dụng nên bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận cho hộ bà T1 được quyền tiếp tục sử dụng đối với diện tích 137m² trên và đồng thời bà T1 yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử

dụng đối với diện tích 137m² trên để bà T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 137m² trên. Xét qua lời trình bày và yêu cầu trên của bà T1 là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cũng như tại phiên tòa phía bà T1 không có tài liệu, chứng cứ pháp lý gì để chứng minh diện tích 137m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ bà T1. Đồng Thời, tại phiên tòa bà T1 cung cấp những người làm chứng như: Bà Trần Thị V, bà Trần Kim L, bà Cao Thị C và những người làm chứng này đều trình bày và không chứng minh được diện tích 137m² đang tranh chấp trên là thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ bà T1. Do đó, lời trình bày và yêu cầu trên của bà T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân xã A. Đồng thời, buộc hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 phải có nghĩa vụ giao trả diện tích 137m² trên lại cho Ủy ban nhân dân xã A quản lý, sử dụng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Đối với các tài sản trên đất tranh chấp như: nhà, cây trồng và tài sản khác, tại phiên tòa phía nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho phía hộ bà T1 di dời các tài sản trên đất với số tiền là 23.205.722 đồng (giá trị tài sản theo định giá). Xét đây là sự tự nguyện hỗ trợ của phía nguyên đơn nên được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Kim T1 tại phiên tòa là không có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên nên không được chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; Hộ bị đơn bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện C vào ngày 05/11/2019 thì thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 đang tranh chấp được định với giá là 360.000 đồng/m².

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong vụ án là 2.371.000 đồng và do nguyên đơn đã tạm ứng chi xong và nguyên đơn

được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên hộ bị đơn phải có nghĩa vụ giao trả số tiền 2.371.000 đồng chi phí trên cho phía nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 37, Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 99; Điều 100; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp về việc yêu cầu hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 phải có nghĩa vụ di dời tài sản để giao trả diện tích 137m² đất đang tranh chấp trên cho Ủy ban nhân dân xã A quản lý, sử dụng, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Buộc hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 phải có nghĩa vụ di dời nhà, cây trồng và tài sản khác để giao trả diện tích 137m² đang tranh chấp trên cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp quản lý, sử dụng nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 theo Mảnh trích đo ngày 05/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp thuộc một phần của thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân xã A đứng tên Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước vào ngày 10/5/2000, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Công nhận sự tự nguyện của Ủy ban nhân dân xã A về việc Ủy ban nhân dân xã A đồng ý hỗ trợ tiền di dời nhà và di dời cây trồng cho hộ bà Lê Kim T1 với số tiền tổng cộng là 23.205.722 đồng (trong đó: tiền di dời cây trồng là 468.000 đồng; tiền di dời nhà và tài sản khác là 22.737.722 đồng).

4. Hộ bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 được quyền lưu cư trên phần diện tích 137m² đang tranh chấp trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C và Mảnh trích đo địa chính số: 7625 – 2019 ngày 05/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

6. Về án phí và tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 có nghĩa vụ liên đới nộp 2.466.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

5.2. Ủy ban nhân dân xã A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân xã A 1.026.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004851 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Kim T1, anh Trần Anh T1, chị Trần Ngọc T2 phải có nghĩa vụ giao trả lại cho Ủy ban nhân dân xã A tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 2.371.000 đồng.

7. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

8. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao